

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-01-2018
V/v tranh chấp hôn nhân gia
đình về ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn.
2. Bà Dương Xuân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2017/QĐST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm: 1978.
Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh.
2. *Bị đơn:* Anh Trần Hoàng N, sinh năm: 1978.
Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh.
Chị H có mặt; anh N vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-5-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày: Chị và anh Trần Hoàng N quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào ngày

tháng không nhớ năm 1999, hôn nhân tự nguyện. Hai anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17-8-2001. Hai anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, tính anh N hay cờ bạc, không chăm lo cho gia đình nên hai anh chị thường xuyên gây gỗ cãi vã nhau dẫn đến ly thân từ tháng 9-2015 đến nay, trong thời gian ly thân hai anh chị không hàn gắn được. Xét thấy tình trạng trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên Trần Hoàng Q, sinh ngày: 10-9-2000. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Hoàng N:

Sau khi thụ lý Tòa án đã tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, thông báo thụ lý, niêm yết thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo hòa giải nhiều lần đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh N không chấp hành theo giấy triệu tập, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia hòa giải. Nên Tòa án tiến hành đưa ra xét xử vắng mặt anh N theo đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Hoàng N đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu H đối với anh Trần Hoàng N. Giao con chung tên Trần Hoàng Q, sinh ngày: 10-9-2000 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Về tài sản chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung, chị H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Phạm Thị Thu H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Trần Hoàng N. Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu. Trong quá trình giải quyết, anh Trần Hoàng N được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh N trên tự nguyện kết hôn, có đi đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17-8-2001 nên hôn nhân của chị H và anh N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Hai anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, tính anh N hay cờ bạc, không chăm lo cho gia đình nên hai anh chị thường xuyên gây gỗ cãi vã nhau dẫn đến ly thân từ tháng 9-2015 đến nay, trong thời gian ly thân hai anh chị không hàn gắn được, chị H xin được ly hôn với anh N.

Qua kết quả xác minh và việc anh N không chấp hành theo giấy triệu tập, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia hòa giải có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Do vậy căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh N là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung tên Trần Hoàng Q, sinh ngày: 10-9-2000. Xét thấy, cháu Q hiện đang sống với chị H, chị H đã nuôi con tốt, bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho con và theo nguyện vọng của cháu Q muốn sống với chị H nên giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp theo qui định Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng. **Dù Hội đồng xét xử đã giải thích quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho chị H nghe nhưng chị H vẫn giữ nguyên ý kiến không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung do vậy nên ghi nhận.**

Anh N được quyền thăm nom con chung theo qui định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị H trình bày không có, nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu là chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thu H; Giao con chung tên Trần Hoàng Q, sinh ngày: 10-9-2000 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung, chị H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Hà phải chịu án phí theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu H đối với anh Trần Hoàng N.

Chị Phạm Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Hoàng N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Hoàng Q, sinh ngày: 10-9-2000 cho chị Phạm Thị Thu H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân gia đình, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0021004 ngày 05-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Án phí chị H đã thi hành xong; Anh N không phải chịu án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị H có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với anh N có quyền kháng cáo

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã A (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

.....

Nguyễn Hoàng Mai

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa